

TIỂU TỪ TÌNH THÁI MANG Ý NGHĨA GIAO TIẾP TRONG PHÁT NGÔN TIẾNG VIỆT

Phan Thị Thanh Hương

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

TÓM TẮT

Bài viết này nêu lên hệ thống *tiểu từ tình thái* trong ngôn ngữ Tiếng Việt. Qua việc nghiên cứu, phân tích các phát ngôn trong các tác phẩm văn học và các câu nói trong các tình huống giao tiếp đời thường, bài viết nhấn mạnh vai trò và ý nghĩa của các tiểu từ tình thái trong các tình huống giao tiếp khác nhau, góp phần làm phong phú thêm vốn từ, nâng cao kỹ năng giao tiếp, làm tăng hiệu quả giao tiếp tiếng Việt hàng ngày.

Từ khóa: tiểu từ tình thái, ý nghĩa giao tiếp, phát ngôn.

MODAL PARTICLES HAVING COMMUNICATION MEANINGS IN VIETNAMESE STATEMENTS

ABSTRACT

This article shows the groups of the modal particles used in Vietnamese language. The research of sentences in some literary works as well as the analysis statements in everyday conversations help Vietnamese language speakers know better the roles and the meanings of the modal particles through different situations, enrich more vocabulary and improve their communication skills in Vietnamese.

Key words: Modal particles, communication meanings, statements

1. MỞ ĐẦU

Mỗi phát ngôn Tiếng Việt ngoài việc chứa đựng ý nghĩa nhất định nào đó về mặt ngôn từ, còn ẩn chứa ý nghĩa giao tiếp trong tình huống cụ thể và sắc thái tình cảm riêng của người giao tiếp. Tình thái của phát ngôn phản ánh thái độ, tình cảm, ý chí của người nói đối với người nghe, thể hiện trong điều được nói và được tiếp nhận. Yếu tố tình thái trong phát ngôn do động từ, tính từ, phụ từ, kết từ, tình thái từ đảm nhận. Trong đó, động từ (đặc biệt là lớp động từ tình thái chỉ ý nghĩa ý chí, mong muốn) và tình thái từ thường được xuất hiện nhiều nhất. Trong bài viết này tác giả chỉ xem xét một tiểu hệ thống tình thái từ, đó là *tiểu từ tình thái*; đồng thời phân tích những phát ngôn có sử dụng tiểu từ tình thái trong các ngữ cảnh khác nhau để giúp hiểu rõ hơn vai trò và ý nghĩa của chúng, góp phần nâng cao kỹ năng giao tiếp, làm tăng hiệu quả giao tiếp cho người nói Tiếng Việt.

2. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TIỂU TỪ TÌNH THÁI

2.1. Nhận xét về vai trò của tiểu từ tình thái

Trong Tiếng Việt, sự có mặt của các tiểu từ tình thái cuối câu như: à, ư, nhỉ, nhé, đây... chứa đựng ý nghĩa giao tiếp khác nhau, biểu đạt sắc thái biểu cảm của người nói với người nghe trong những tình huống giao tiếp phong phú, và rất tinh tế thể hiện được hàm ý hay ý định của người nói mà không cần nói trực tiếp ra cho người nghe biết.

Nhà thơ Trần Đăng Khoa đã dùng các tiểu từ tình thái *hử, nhé, nào...* trong những câu thơ trên đây làm tăng thêm hiệu quả của thủ pháp nhân hoá trong nghệ thuật thơ ca qua sự thể hiện tình yêu thiên nhiên, mong ước được gần gũi thiên nhiên, coi thiên nhiên là bạn.

Ví dụ 1:

Đã ngủ rồi hả trâu?	Lá nào muốn cho tao
Tao đã đi ngủ đâu	Thì mày chìa ra nhé!
Mà trâu mày đã ngủ	Tay tao hái rất nhẹ
Bà tao vừa đến đó	Không làm mày đau đâu...
Muốn xin mấy lá trâu	Đã dậy chưa hả trâu?
Tao chẳng phải ai đâu	Tao hái vài lá nhé
Đánh thức mày để hái!	Cho bà và cho mẹ
Trâu ơi, hãy tỉnh lại!	Đừng lụi đi trâu ơi!
Mở mắt xanh ra nào!	[Đánh thức trâu - Trần Đăng Khoa]

Ví dụ 2: - Bọn mình sẽ lại thường xuyên gặp nhau như lúc trước **nhé!**

Trong ví dụ này, người nói đưa ra đề nghị về việc lại gặp nhau thường xuyên của người nói và người nghe như trước đây hai người đã từng. Và quyền quyết định cho việc “lại thường xuyên gặp nhau” hay không là tùy thuộc người nghe. Sự có mặt của tiểu từ tình thái **nhé** ở cuối phát ngôn cho thấy thái độ nhường quyền quyết định của người nói cho người nghe khi giao tiếp.

Theo Thạc sĩ ngôn ngữ Nguyễn Thị Ngọc Hân, sự có mặt của tiểu từ tình thái cuối câu mang đến cho phát ngôn những hàm nghĩa khác nhau, phản ánh một cách đa dạng thái độ của người nói đối với người nghe. Khi hiểu được vấn đề mà người nói nêu ra trong phát ngôn, người nghe sẽ chịu những tác động nhất định từ những hàm ý đó. Do vậy, người nghe sẽ có những hành động hay phản ứng thích hợp với bối cảnh giao tiếp đang tiếp diễn. Và khi ấy có thể nói giao tiếp đã thành công, hàm ý của người nói được hiểu và đã có phản hồi từ phía người nghe.

2.2. Phân loại tiểu từ tình thái

Trong bài báo “Hướng đến một cách miêu tả và phân loại các tiểu từ tình thái cuối câu Tiếng Việt”, đăng trên tạp chí Ngôn ngữ, số 5/2001, PGS. TS Ngôn ngữ học Nguyễn Văn Hiệp đã giới thiệu mô hình phân loại của Glebova như sau:

Loại thứ nhất: các tiểu từ được dùng chủ yếu trong câu với các chức năng nhất định, gồm:

Tiểu từ loại a: Các tiểu từ dùng trong câu nghi vấn: **à, hả, hử, nhỉ, chẳng,...**

Tiểu từ loại b: Các tiểu từ dùng trong câu cầu khiến: **đi, nào, với, nhé,...**

Loại thứ hai: các tiểu từ biểu thị quan hệ của người nói đối với hiện thực được phản ánh, gồm các tiểu từ biểu thị các sắc thái biểu cảm, đánh giá: **à, kia, vậy, mà, đâu, đấy, ấy, thế,...**

Kế thừa mô hình này, PGS.TS Nguyễn Văn Hiệp đã đưa ra một kiểu phân loại khác của tiểu từ tình thái bao gồm 3 nhóm:

Nhóm 1: Các tiểu từ tình thái được dùng khá ổn định trong một số kiểu hành vi nào đó.

- Các tiểu từ tình thái chuyên dùng trong câu hỏi: *à, ừ, nhỉ, chẳng, phỏng, sao, hả, chắc, hà.*

- Các tiểu từ tình thái chuyên dùng trong câu cầu khiến: *đi, với, xem,...*

- Các tiểu từ tình thái chuyên dùng trong câu trần thuật: *thật, đấy, đây, rồi, ấy,...*

Nhóm 2: Các tiểu từ tình thái không có sự ổn định về kiểu hành vi mà chúng biểu thị: *chứ, đã, nhé, vậy, thôi, cơ, kia,...*

Nhóm 3: Các tiểu từ không tham gia trực tiếp vào việc hình thành mục đích phát ngôn mà chỉ thể hiện những nét nghĩa liên quan đến sự thúc giục nói chung hoặc quan hệ giữa người nói và người nghe: *thôi, ơ,...*

Dựa vào mô hình phân loại này của PGS.TS Nguyễn Văn Hiệp, tác giả phân tích một số phát ngôn để nêu rõ ý nghĩa của các tiểu từ tình thái trong việc làm tăng hiệu quả phát ngôn.

3. TIỂU TỪ TÌNH THÁI MANG Ý NGHĨA GIAO TIẾP TRONG TIẾNG VIỆT

Trước tiên, xin được dẫn ra một số ví dụ của tiểu từ tình thái được sử dụng trong các tình huống khác nhau với những ý nghĩa giao tiếp rất phong phú.

Nhóm 1: Các tiểu từ tình thái dùng với mục đích phát ngôn cụ thể.

a. Các tiểu từ tình thái trong câu hỏi: *à, ừ, nhỉ, chẳng, phỏng, sao, hả, hử, chắc, hà,...*

- Bạn làm xong bài tập rồi *à*?
- Hôm qua cậu không đi học *hử*?
- Biết làm gì bây giờ *nhỉ*?
- Em định đến đó một mình *chẳng*?
- Con không học bài *ừ/sao*?
- Cô đã cho anh ta biết rồi *phỏng*?
- *Hử* là cô ấy đã có chồng?
- Anh định đánh nó *chắc*?

A: - Ô! Ai như...anh Thành! Anh Nguyễn Tất Thành!

B: - Thành đây. Kỳ đã không nhận ra được mình *kia à*? [*Sơn Tùng – Búp Sen Xanh*]

b. Các tiểu từ tình thái dùng trong câu cầu khiến: *đi, xem, với, nghe, ...*

- Học bài *đi*!
- Thử hỏi nó *xem*!
- Chờ tôi *với*!
- Nhớ đến sớm *nghe*!

c. Các tiểu từ tình thái dùng trong câu trần thuật: **thật, đấy, đây, rồi, ấy,...**

- Con đã làm bài xong **rồi**.

- Cô ấy đã về rồi **đấy**.

- Anh đi làm **đây**.

A: - Cậu đã nghe cuốn băng **chưa**? cuốn băng mượn của Nam **ấy**.

B: - Nam nào? Nam Bách Khoa phải không?

A: - Ừ, Nam Bách Khoa. Nam lùn một mẩu **ấy**.

Nhóm 2: Các tiểu từ tình thái không có sự ổn định về kiểu hành vi mà chúng biểu thị: **chứ, đã, nhé, vậy, thôi, cơ, kia,...**

- Con hiểu rồi **chứ**?

- Học bài đi **đã**!

- Mình về **nhé**!

- Thôi thì cưới cô ta đi **vậy**.

- Đi ngủ **thôi**!

- Mình thích cái này **cơ**.

- Mình khoái ăn kem **kia**.

Nhóm 3: Các tiểu từ tình thái thể hiện những nét nghĩa liên quan đến quan hệ giữa người nói và người nghe: **thôi, ơ,...**

- Học bài **thôi**!

- Cháu ăn cơm rồi **ơ**!

- Cháu chào bác **ơ**!

Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này tác giả chỉ phân tích một số phát ngôn trong đời sống hàng ngày và trong văn học thể hiện khả năng kết hợp, tương tác giữa tiểu từ tình thái với các động từ ngôn hành, diễn đạt ý nghĩa khác nhau theo từng tình huống giao tiếp.

Khả năng kết hợp này có thể làm biến đổi tính chất của các phát ngôn ngôn hành.

Trong giao tiếp hàng ngày, tiểu từ tình thái cuối câu hỏi có thể biến phát ngôn ngôn hành thành phát ngôn mang ý nghĩa nghi vấn.

Ví dụ 1: - “Con đã về đến nhà **rồi**.” - “Con đã về đến nhà rồi **hử**?”.

Ví dụ 2: ...Cái Tí nghe nói giã nẩy, giống như sét đánh bên tai, nó liệng củ khoai vào rổ và oà lên khóc: - U nhất định bán con **đấy ư**? U không cho con ở nhà nữa **ư**?

[Ngô Tất Tố. Tập II].

Ư biểu thị thái độ không bằng lòng, không vừa ý về điều nêu ra, dưới dạng như muốn hỏi để cho người đối thoại tự suy ra. Nếu không có tiểu từ tình thái **Ư** thì phát ngôn trên không mang ý nghĩa nghi vấn nữa mà chỉ là một phát ngôn ngôn hành bình thường.

Ngoài ra, khả năng kết hợp này có thể không làm biến đổi tính chất của các phát ngôn nhưng lại có tầm tác động tình thái rất lớn, thể hiện qua 4 nhóm tiểu từ tình thái sau đây:

Nhóm tiểu từ tình thái có tác dụng nhấn mạnh vào hành vi ngôn ngữ đang được thực hiện: *đấy, đâu,...*

Ví dụ: - Mẹ đã nấu cơm rồi ***đấy!***

- Hôm nay mẹ chẳng nói cười được ***đâu.*** [*Trần Đăng Khoa - Mẹ ốm*]

Nhóm tiểu từ tình thái khẳng định tính tất yếu của hành vi ngôn ngữ như một hệ quả của hoàn cảnh: *vậy, vậy,...*

Ví dụ: - Thôi thì đi tàu hoả ***vậy.***

- Trời... đất! - Diệp Văn Kỳ dài giọng. - Nếu hồng có hai con mắt sáng như sao thì đã làm anh là một cha cu li rồi! Chứ ai đây đoạ anh mà dữ ***vậy?*** [*Sơn Tùng - Búp Sen Xanh*].

Nhóm tiểu từ tình thái thể hiện mong muốn người nghe chấp thuận hành vi ngôn ngữ mà người nói thực hiện: *nghe, nhé, nhá, hen, nhen, nha, héng,...*

Ví dụ: - Nhớ đến sớm ***nhé!*** - Con ăn cơm trước đi ***nha!***

- Bạn bỏ thư cho mình với ***nghe!*** - Coi bộ ngon ***héng!*** [*Búp Sen Xanh - Sơn Tùng*]

Nhóm tiểu từ tình thái góp thêm sắc thái lễ phép: *ạ*

Ví dụ: Anh Ba lúng túng: - Điều nói được, tôi đã nói với Huệ từ hôm qua rồi.

- Lúc này khác với ngày hôm qua. Em muốn được nghe anh nói với em một tiếng giữa phút giây này, anh Ba ***ạ!*** [*Sơn Tùng - Búp Sen Xanh*].

4. KẾT LUẬN

Từ nghiên cứu và phân tích trên, có thể khẳng định rằng tiểu từ tình thái có vai trò quan trọng trong việc tổ chức nghĩa của phát ngôn, là linh hồn của lời nói. Tiểu từ tình thái có chức năng bổ sung nghĩa tình thái cho toàn bộ câu. Vai trò của tiểu từ tình thái đã được các nhà ngôn ngữ học xem xét trên các bình diện khác nhau. Tuy tiểu từ tình thái là một bộ phận độc lập với cấu trúc của phát ngôn, nhưng nghĩa tình thái, nghĩa ngữ dụng của nó lại gắn kết với tình huống giao tiếp mà phát ngôn đó được hình thành. Điều này cho thấy trong Tiếng Việt, nếu tiểu từ tình thái được sử dụng đúng mục đích giao tiếp và hợp ngữ cảnh giao tiếp thì sẽ phát huy được chức năng và ý nghĩa của chúng

Nói cách khác, việc hiểu về vai trò, bản chất, ý nghĩa và công dụng của tiểu từ tình thái không chỉ thông qua việc nhìn nhận ý nghĩa của phát ngôn cụ thể mà còn xem xét các tình huống giao tiếp khác nhau mà tiểu từ tình thái được sử dụng góp phần làm phong phú thêm vốn từ, giúp phát triển kỹ năng giao tiếp cho người nói tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đỗ Hữu Châu, 2007. *Đại cương Ngôn ngữ học*, Tập 2, Ngữ dụng học. Nxb Giáo Dục.
- [2]. Lyons, J. 2006. *Linguistic Semantics an introduction*. Translated by Nguyễn Văn Hiệp. NXB Giáo Dục.
- [3]. Nguyễn Đức Dân, 1998. *Ngữ dụng học*. NXB Giáo Dục.
- [4]. Nguyễn Thị Ngọc Hân, 2001. “*Tiểu từ tình thái cuối câu NHẾ: Hàm ý của người nói*”. Tạp chí Ngôn ngữ, Số 16/2001.
- [5]. Nguyễn Văn Hiệp, 2001. “*Hướng đến một cách miêu tả và phân loại các tiểu từ tình thái cuối câu Tiếng Việt*”. Tạp chí Ngôn ngữ, Số 5/2001.